

Phẩm 29: MƯỜI NHẪN

Sớ câu: “Hai là nói về Tông Thú”: Văn nơi bản Sớ giải gồm hai:

Một: Chính thức biện minh về Tông Thú.

Hai: Từ câu: “Nhưng Nhẫn này, Hành căn cứ nơi” tiếp xuống: Là phân biệt nhận định về môn nghĩa. Gồm ba:

Một là: Định rõ quả vị.

Hai là: Từ câu: “Thế tức là” tiếp xuống: Là nêu ra Thế.

Ba là: Từ câu: “Tuy là một Trí” tiếp xuống: Là biện minh về loại.

Nói: “Là một” tức một là Vô sanh nhẫn. Hai: Tức là Nhẫn về người không pháp không. Ba: Tức Luận Phật Tánh nói có ba Vô tánh Nhẫn, cùng Luận Địa Trì nói có: Tín nhẫn, Thuận nhẫn và Vô sinh nhẫn.

Bốn, cũng có hai nghĩa: Một là như trong tám địa đã bàn: Thứ nhất là sự Vô sinh. Thứ hai là Tự tánh Vô sinh. Thứ ba là Số sai biệt Vô sinh. Sắc là Tác nghiệp Vô sinh.

Hai là trong Kinh Tư Ích nói có bốn Nhẫn:

Thứ nhất là Vô sinh Nhẫn. Thứ hai là Vô diệt nhẫn. Thứ ba là Nhân duyên Nhẫn. Sắc là Vô trụ Nhẫn. Nơi phần giải thích bài Tựa của Kinh đã nêu dẫn đầy đủ.

Nói năm Nhẫn: Tức nơi Kinh Nhân Vương:

Một là: Phục nhẫn v.v... như nơi thập Địa đã nêu.

Mà nói “vân vân” tức là có nhiều nghĩa:

Thứ nhất: Chỉ có sáu Nhẫn như nơi Kinh Anh Lạc đã nói, phần đầu phẩm mười Định đã dẫn.

Thứ hai: Hoặc nói mười Nhẫn như nơi tám địa đã nêu. Hoặc nói mười bốn, mười lăm Nhẫn như nơi Kinh Nhân Vương, Kinh Anh Lạc. Đều như nơi các phẩm thập Địa, mười Trụ đã nêu.

Nói: “Các giáo chẳng đồng”: Tức là biện biệt chung về các Nhẫn, Căn cứ nơi Giáo chẳng đồng.

Tiểu thừa không lập tên gọi Nhẫn.

Trước giờ nói về các môn đa phần chung nơi Thủy giáo, Chung giáo. Riêng một Vô sinh Nhẫn là gồm chung nơi Đốn giáo.

Sớ câu: “Trong phần nêu tên gọi, ba thứ trước là căn cứ nơi pháp”: Văn nơi bản Sớ giải gồm hai:

Một: Phân định chung .

Hai: Từ câu: “Trong ba thứ thì Thứ nhất là” tiếp xuống: Là hiển

bày riêng. Phần này cũng gồm hai:

Thứ nhất: Giải thích Pháp.

Thứ hai: Giải thích dụ.

Nơi phần “Giải thích pháp” lại gồm hai:

Một là: Dựa vào câu để giải thích.

Hai là: Phân biệt về chung riêng.

Hai phần trước có thể nhận biết. Trong Vô sinh hẳn tự có hai nghĩa:

Một: Lý, Trí cùng biện minh.

Hai: Từ câu: “Nếu căn cứ nơi Trí Vô sinh” tiếp xuống: Là chỉ căn cứ nơi Trí để nêu bày. Đây đủ như nơi tám địa tức là Tịnh nhĩn. Tịnh nhĩn lại có hai:

Thứ nhất là Trí chẳng sinh, tức là Trí không phân biệt, Thế là không suy niệm, tư duy.

Thứ hai là Phiền não chẳng sinh: Là do vọng tưởng chẳng dấy khởi.

Sở từ câu: “Lại nữa, ba Nhĩn này” tiếp xuống: Là phần Hai là, phân biệt, nhận định về chung riêng. Gồm hai: Một là nói về chung, Hai là nói về riêng. Nơi phần nói về chung gồm ba:

Thứ nhất: Chính thức hiển bày phần chung.

Thứ hai: Từ câu: “Nếu căn cứ nơi quả vị hiện có” tiếp xuống: Là trở lại hiển bày chẳng phải là riêng. Nghĩa là dựa nơi Luận Địa Trì cho âm thanh thuộc Tư Lương vị, Thuận nhĩn thuộc Gia hạnh Vị, Vô sinh nhĩn thuộc nơi “Chánh chứng”. Cho nên nói: “Ba Nhĩn vượt hơn hẳn”. “Sự vượt hơn hẳn ấy” chẳng đồng.

Từ câu: “Do chẳng ứng hợp” tiếp xuống: Là tóm kết về nghĩa chẳng phải là riêng.

Thứ ba: Từ câu: “Thuận chỉ thuận nơi Lý” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc do Vấn nạn. Vấn có hai vấn nạn:

Một: “Quả vị của Gia hạnh thuận nơi Vô sinh nhĩn nên gọi là Thuận nhĩn”. Nay chẳng dựa theo quả vị thì đâu có Thuận nhĩn?” Nên nay thông tỏ: Thuận có hai nghĩa: Một là thuận nơi Vô sinh nhĩn tức là Gia hạnh. Hai là, nay là thuận nơi Lý của Vô sinh, nên chẳng phải là căn cứ nơi quả vị.

Hai: Nói tiếp phần trước, nêu vấn nạn: “Như thế thì có gì khác với Vô sinh?”

Từ câu: “Thuận nhĩn là thuận chung nơi Sự Lý” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vấn nạn. Đã chung cả Sự Lý nên chẳng đồng với Vô sinh

chỉ thuận nơi Lý.

Từ câu: “Kinh viết” tiếp xuống: Là nêu dẫn Kinh để chứng minh, xác nhận.

Nhưng Vô sinh khác với Thuận nhãn còn có một nghĩa tức ngoài Vô sinh chỉ thuận nơi Lý. Còn có Trí của Hoặc chẳng sinh. Nhằm nêu rõ Thuận nhãn cùng có khác hai nghĩa. Cho nên chỉ căn cứ chỗ cùng thuận theo Lý Sự là đủ để phân định hai loại riêng biệt.

Lại, ở trên, phần Sơ giải đã viết: “Hai chỗ chung trước là Vô sinh, Gia hạnh” Tức căn cứ theo quả vị Đẳng giác ấy để tự nói về Gia hạnh, chẳng giống với trước dùng tính chất vượt trội hẳn của ba Nhãn.

Sơ từ câu: “Lại dựa nơi năm Nhãn” tiếp xuống: Là phần hai, biện minh về nghĩa có riêng, là hơn chẳng phải là kém.

Năm Nhãn nêu rõ về nghĩa Vô sinh tức tương đương với địa thứ bảy, tám, chín. Ba Nhãn nêu rõ về nghĩa “Chánh chứng” trở về sau đều chung nơi Vô sinh. Tuy có nghĩa này nhưng ở đây đã có âm thanh, Thuận nhãn nên biết định rõ có chung riêng, chẳng phải là ý chính.

Sơ từ câu: “Bảy thứ sau căn cứ theo dụ, trong đó” tiếp xuống: Là phần thứ hai, giải thích về dụ (Phần Thứ nhất là giải thích về Pháp). Gồm hai:

Một: Lãnh hội sáu cách giải thích

Hai: Từ câu: “Đại sư Quang Thống nói” tiếp xuống: Là nhận định, phân biệt về chung riêng. Phần này cũng gồm hai:

Thứ nhất: Nêu ra cách giải thích đã có từ trước.

Thứ hai: Là phần kết hợp để thông tỏ của Sơ.

Nơi phần Thứ nhất tổng cộng có bảy cách giải thích:

Một là: Cửa đại sư Quang Thống.

Hai là: Cửa đại sư Hiền Thủ.

Ba là: Nhiếp Luận.

Bốn là: Đại sư Huệ Viễn.

Năm là: Luận Kim Cang.

Sáu là: Kinh Đại Phẩm.

Bảy là: Kinh Lăng Già.

Phần nêu cách giải thích của đại sư Quang Thống gồm hai:

Một: Nêu ra cách giải thích trước.

Hai: Kết hợp để thông tỏ.

Trong phần một gồm hai:

Thứ nhất: Dùng bảy dụ đối chiếu với ba pháp trên, nghĩa loại đồng.

Thứ hai: Từ câu: “Lại nói là Huyền” tiếp xuống: Là hiển bày riêng về Tướng của dụ, đại thể là giống với Nhiếp Luận.

Nói: “Dấy khởi, không có tướng dấy khởi”: Tức pháp Huyền theo duyên nên không có tánh cố định.

“Cảnh không có tướng của Cảnh”: Tức Cảnh của sáu Trần như “Dợn nắng”, giống như nước mà chẳng phải là nước.

“Nhận biết không có tướng nhận biết”: Tức sự nhận biết trong mộng chẳng phải là sự biết thật.

“Nghe không có tướng nghe”: Tức âm vang phát ra từ hang chẳng phải là âm thanh gốc.

“Trụ không có tướng Trụ” điện chớp tức Tấn Kinh dùng ý của Kinh Tịnh Danh: “Thân này như điện chớp, niệm niệm chẳng trụ”.

Từ câu: “Nay đã cho là Ảnh” tiếp xuống: Là dựa vào chỗ giống kia để giải thích. Cũng là ý của Kinh Tịnh Danh. Kinh viết: “Thân này như Ảnh, theo nghiệp duyên hiện”. Cho nên nói: “Hiện không có tướng Hiện”. Hóa là do không mà hốt nhiên có, nên nói: “Có mà không có tướng Có”. Không là do chẳng ngăn ngại chỗ nêu bày, nên viết: “Làm không có tướng làm”. Đều là dùng nghĩa riêng trong dụ.

Số từ câu: “Đây tức là Chủ thể dụ” tiếp xuống: Là phần thứ hai, Số kết hợp để thông tỏ.

Nói: “Chủ thể dụ giới hạn nơi một Tướng”: Tức trong Huyền chỉ có “Dấy khởi không có tướng dấy khởi”, mà không có sáu Tướng kia như “Cảnh không có tướng của Cảnh”, “Nhận biết không có tướng nhận biết” v.v... Cho đến dụ về Không chỉ có “Làm không có tướng của làm”, mà không có “Dấy khởi không có tướng dấy khởi” v.v... Nên nói là “Giới hạn ở một”.

Nói: “Đối tượng được dụ, nghĩa chung nơi nhiều pháp”:

Như “Dấy khởi không có Tướng dấy khởi”, là biện minh chung về pháp của duyên khởi, chẳng giới hạn nơi sự khác biệt của trong ngoài v.v... “Có mà không có tướng Có” chính là nêu rõ về vạn hữu tức hư giả, chẳng giới hạn nơi phần Bồ-tát có thể giáo hóa v.v... Cho nên gọi là chung cho nhiều pháp.

Như “Cảnh không có tướng của Cảnh”, “Nghe không có Tướng của nghe” cũng có nghĩa riêng. Số câu: Nói đến mức cuối dùng chung về nghĩa theo ở văn tuy không có tiếp xuống: Là mở rộng để xác nhận về nghĩa kia.

Số từ câu: “Lại, bậc cổ đức” tiếp xuống: Là nói về cách giải thích thứ hai của đại sư Hiền Thủ. Gồm hai phần:

Một: Nêu ra các giải thích trước đây.

Hai: Từ câu: “Cách giải thích này” tiếp xuống: Là kết hợp để thông tỏ. Văn thì giả đặt để xác nhận, ý thì ngầm xâm đoạt. Tức là nơi phẩm Ly Thế gian ở sau, kệ có dụ riêng, nghĩa tức có thể thành mà phần sau chính thức giải thích về chỗ dụ đã thông tỏ. Chỉ thuận nơi phần Kinh sau nên gọi là ngầm xâm đoạt”.

Nói: “Kệ nơi phẩm Ly Thế gian”, tức Kinh viết:

*“Quán Sắc như đồng bọt
Thọ như bong bóng nổi
Tưởng như lúc dạn nắng
Các Hành như cây chuối
Tâm Thức cũng như Huyền
Thị hiện vô số sự
Biết các Uẩn như thế
Người Trí không chấp trước”.*

Tức là văn ấy.

Nói: “Nên nay dụ về Ảnh cũng dụ nơi Hành”: Văn nay dụ về Ảnh tương đương với Tấn Kinh là điện. Đối chiếu với cách giải thích của đại sư Quang Thống ở trên, nên gọi là “Cũng nói”.

Sớ từ câu: “Nếu dựa nơi Nhiếp Luận” tiếp xuống: Là nói về cách giải thích thứ ba, của Nhiếp Luận. Gồm hai:

Một: Nêu dẫn Luận.

Hai: Dùng Kinh Luận để đối chiếu, biện giải.

Nay nói về phần một: Do chẳng muốn dẫn nhiều văn, nên trong phần Sớ giải chỉ nêu dẫn về nghĩa...

Sớ từ câu: “Nhưng Luận ấy không có dụ về Không”: Là phần hai đối chiếu với Kinh lược có bốn sự khác biệt. Văn nơi phần Sớ giải phân làm ba đoạn:

Một: Nêu rõ về chỗ Có, Không.

Hai: Từ câu: “Mà dụ về ảnh là hình tượng nơi gương” tiếp xuống: Là hiển bày chỗ khác biệt của tên gọi.

Ba: Từ câu: “Lại có ánh nơi chất” tiếp xuống: Là biện minh về chỗ chia, hợp. Phần này gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Biện minh về nguyên do chỗ chia của Luận. Do chỗ khác biệt của nghĩa.

Thứ hai: Từ câu: “Nay Kinh do nghĩa” tiếp xuống: Là nêu rõ lý do chỗ hợp của Kinh. Do loại đồng.

Lại có một ý làm thành mười. Do thêm ba pháp nên hợp nơi ba

pháp ấy. Đến phần văn sau sẽ nói. Nhưng nếu chỉ làm thành mười thì sao không hợp ở trong dụ khác? Nên phần Số giải chỉ hiển bày nghĩa của loại giống nhau.

Nói: “Đến phần sau sẽ nhận biết”: Tức trong phần dụ về Ảnh đã chia rộng về Tướng. Bốn là nói về thứ lớp của Kinh Luận mà có sự trở lại nơi phần trước. Kinh thì đối chiếu với ba thứ pháp trước nên thứ lớp chẳng đồng với Luận. Phần sau giải thích đã nêu ra đầy đủ, do dễ hiểu nên ở đây không dẫn.

Số từ câu: “Đại sư Huệ Viễn” tiếp xuống: Là nói về cách giải thích Sắc của đại sư Huệ Viễn. Gồm bốn phần:

Một: Dùng ý nêu ra các giải thích đã có từ trước.

Hai: Biện biệt về chỗ thuận, trái.

Ba: Giả nêu để chính thức giải thích.

Bốn: Tóm kết mở rộng từ chỗ lược nêu.

Nay nói về phần một: Đại sư Huệ Viễn đã dựa nơi hai để để giải thích về bảy dụ ấy. Sáu dụ trước là Tục đế. Biết rõ Tục chẳng phải là thật nên nói như Huyền. Biết Tục là giả có nên nói như dợn nắng. Biết Tục từ Tâm khởi nên nói như mộng. Biết âm thanh chẳng thật nên nói như tiếng vang. Rõ Tục chỉ tạm có nên nói như điện chớp. Rõ sự biến đổi không có Thể nên nói như hóa hiện. Một dụ sau là nhận biết về Chân. Biết rõ chân là lìa Tướng nên như Hư không. Sáu dụ trước là Không của Hữu vi. Một dụ sau tức Không của Vô vi. Do sáu dụ trước phần nhiều đồng với kiến giải của đại sư Quang Thống và với Nhiếp Luận, nên phần Số giải không nêu dẫn, chỉ chọn lấy ý. Xem nơi Nhiếp Luận với tám dụ về y tha, nên chẳng lập về Không. Nay Kinh có dụ về Không nên nêu rõ có dụ về Vô vi.

Số từ câu: “Chẳng phải là không có lý” tiếp xuống: Là phần hai, biện giải về chỗ thuận, trái. Câu đầu là nói về chỗ thuận lý “Không”, so với dụ còn lại thì giống với Vô vi.

Từ câu: “Nhưng trái với phần Kinh sau” tiếp xuống: Là biện giải về chỗ trái của văn, do trong văn nói dụ về không là rộng.

Số từ câu: “Như thế thì” tiếp xuống: Là phần ba, giả nêu ra để chính thức giải thích.

Trước hết là nêu ra ý, cho rằng: Chỗ giải thích kia đã trái với văn thì tự nó làm sao lý giải được?

Từ câu: “Nghĩa là chỗ nghi hoặc kia” tiếp xuống: Là phần Số chính thức giải thích. Số đã dùng cách diễn đạt của Nhiếp Luận để giải thích dụ về Không. Luận ấy tuy không nói đến, nhưng giả sử là có thì

phải như cách giải thích của Sở.

Sở từ câu: “Các nghĩa còn lại” tiếp xuống: Là phần bốn, tóm kết mở rộng từ chỗ lược nêu. Chỗ nêu giảng rộng của Nhiếp Luận như đã dẫn ở trên. Văn của Chương riêng thì phần “Sao” đã lược nêu đủ.

Sở từ câu: “Kim cương Bát-nhã” tiếp xuống: Là nêu ra cách giải thích thứ năm của Luận Kim Cương.

Nói: “Chín dụ” Bản dịch Kinh Kim Cương của Pháp sư La Thập chỉ có sáu dụ. Chín dụ là dựa theo bản dịch đời Ngụy. Kệ viết:

*“Tất cả pháp hữu vi
Như sao đêm mất bệnh
Như đèn như huyễn ảo
Như giọt sương, bọt nước
Như mộng, điện chớp, mây”.*

Phần giải thích của Bồ-tát Vô Trước nơi phần Thứ mười tám của Luận: Trên câu đạt trú xứ của Phật địa, nêu rõ sự lưu chuyển không bị cấu nhiễm. Phần giải thích của Bồ-tát Thiên Thân ở phần thứ hai mươi bảy: Nghi hoặc về sự thuyết pháp hội nhập chốn tịch diệt. Nghĩa là Phật đã Niết-bàn, sao có thể thuyết pháp? Nên nêu dẫn kệ này: Là thấu rõ pháp Hữu vi như huyễn v.v... Tức không có Hữu vi, là vì đại trí nên chẳng trụ nơi sinh tử. Nhưng không phải là không có huyễn v.v... nên chẳng lìa Hữu vi, tức là đại bi nên chẳng trụ nơi Niết-bàn. Do là “Niết-bàn Vô trụ” nên có thể hội nhập chốn tịch diệt mà thuyết pháp.

Bồ-tát Vô Trước nêu tụng:

*“Kiến Tướng cùng nơi Thức
Thân, khí, sự thọ dụng
Pháp quá khứ, Hiện tại
Cũng quán đời vi lai”.*

Luận tự giải thích: Kệ này hiển bày rõ về bốn Tướng Hữu vi:

Một là: Tướng của Tự tánh, tức câu đầu thấu tóm ba dụ đầu: (Sao đêm, mất bệnh, ánh đèn).

Hai là: Tướng tham đắm vị của chỗ trụ. Tức dụ như huyễn ảo. Ba

là: Tướng thuận theo lỗi lầm. Tức hai dụ về giọt sương, bọt nước.

Bốn là: Tướng thuận theo nẻo xuất ly. Tức ba dụ: Mộng, điện, chớp mây bay.

Phần giải thích về Tướng Thứ nhất viết: “Trong đó Tướng của Tự tánh, tức cộng Tướng kiến Thức, Tướng ấy như Sao (Tinh) nên thấy như thế. Trong chỗ tối không có Trí thì có Ánh sáng ấy. Nơi chỗ sáng có Trí

không có Ánh sáng kia”.

Giải thích: Xưa có hai cách giải thích:

Thứ nhất: Xưa nay các bậc cổ đức đều dùng Cộng Tướng kiến-Thức” để giải thích “Tướng của Tự tánh” bao hàm ba dụ. Ba dụ ấy đều là Tự thể tánh của sinh tử.

Từ câu: “Tướng ấy như Sao” tiếp xuống: Là giải thích riêng dụ về sao. Mà nói “Tướng ấy” tức là chỉ cho chữ Tướng trên ấy, chẳng phải là một câu nầy. Do Kiến (Thấy) là thuộc nơi dụ về Mắt nhắm Thức thuộc nơi dụ về Đèn . Do vậy cách giải thích nầy là hết sức rõ ràng. Song không thuận với Bồ-tát Thiên Thân.

Bồ-tát Thiên Thân cho Chủ thể Kiến (thấy) pháp cũng lại như thế. Do Thiên Thân nói: Ví như Tinh tú là chỗ phản ánh của mặt trời có mà chẳng hiện bày. Chủ thể Kiến về Tâm pháp cũng giống như vậy. Lại, hai chữ Kiến, Tướng ở nơi Kệ không đúng thứ tự. Nếu đổi lại : “Tướng, Kiến cùng nơi Thức” thì Lý cũng không trái. Mà Bồ-tát Thiên Thân dùng Sao phối hợp nơi Kiến, Mắt nhắm phối hợp với Tướng.

Thứ hai: Theo Đại Vân thì có riêng cách giải thích: “Tướng ấy như Sao” hoàn toàn là chỉ cho văn trên “Cộng tướng Kiến, Thức” cho là Tướng ấy. Nghĩa là Thức thứ sáu dấy khởi Kiến phân biệt, duyên nơi Cảnh của cộng tướng, nên dụ như Sao, đêm có Ánh sáng. Năm Thức, mỗi thức duyên đều nên chẳng phải là Cộng tướng. Thứ bảy là Ý thức luôn hành theo nhiệm ô nên phối thuộc nơi dụ về Mắt nhắm. Như đối tượng được duyên của tám Thức với Hành tướng đều có, thì chẳng thể nhận biết, là do vi tế. Lại không có sự so đo (kế đặc) áp đặt phân biệt không hợp với dụ về Sao. Dụ về Sao chính là phải có Trí sáng tỏ, nên Kiến tức là phân biệt”.

Cách giải thích nầy cũng là một Lý được xác nhận. Nhưng các Luận không giải thích nghĩa Tướng của tự tánh thì nhắc lại nhấn mạnh để làm gì? Lại khiến cho trong câu “Cộng tướng kiến thức” thì dụ về Đèn chẳng nêu rõ.

Nay là một cách giải thích, đều khác với hai cách giải thích trên.

Nghĩa là chữ “Tướng ấy” là hoàn toàn chỉ cho “Cộng Tướng, Kiến, Thức” ở trước , tức như Ngài Đại Vân. Nhưng không đem câu ấy chỉ giải thích riêng như Sao. Tức “Như Sao” tiếp xuống: Là giải thích riêng về ba dụ. Cho nên nói: “Tướng ấy như Sao, như Mắt nhắm như Đèn”. Do dụ về sao ở đầu nên nhắc lại trước để giải thích. Lại không dựa vào kiến giải xưa cho Sao dụ cho Tướng phần mà nay dùng dụ về Sao, dụ cho kiến phần. Vì Sao có khả năng chiếu sáng, thấu tỏ giống

như kiến phần. tức cũng thuận với Bồ-tát Thiên Thân cho tâm là chủ thể kiến pháp cũng như thế. Dụ về mắt nhắm tức nói Tướng phần vì vẫn còn thấy vọng. Nghĩa là còn thấy tướng hoa đốm ở hư không bên ngoài. Dụ về Đèn là nói về Tự chứng phần. Đây đều không khác với Luận. Nếu giải thích Như đây, thì cũng thuận với thứ tự nghĩa của câu “Kiến, tướng và nơi Thức” trong kệ. Cũng được các luận gia cho “Cộng tướng kiến thức” là giải thích nghĩa Tự tánh. Hơn nữa, chung cho ba phần của Tám thức, chung cho thức ấy mà làm tư tướng, chẳng riêng thức thứ sáu mà làm chúng. Luận giải thích riêng dụ về Sao nói: Trong bóng tối không có trí tuệ có Ánh sáng kia v.v... tức không có Bát-nhã, dụ như là bóng tối. Liền có kiến phần gọi là có Ánh sáng kia. Nếu có mặt trời, trí thì thức kiến bèn không nên nói: “Trong Ánh sáng có trí tuệ, Ánh sáng kia không có. Luận tiếp giải thích dù về mắt nhắm. Kiến và Ngã của pháp và người như mắt bị nhắm, nên thấy như thế. Vì sao cho là nghĩa “Chấp lấy không có”? Giải thích: Nếu mắt bị nhắm, vọng càn chấp có hoa đốm ở hư không, tâm có thấy vọng càn, nên vọng càn chấp có ngã pháp, không có nơi chốn mà vọng càn giữ lấy đó gọi là nghĩa “Chấp lấy không có”. Luận tiếp giải thích dụ về Đèn nói: Thức như đèn nên thấy như thế. Vì cố sao? Vì khát ái thấm nhuần với thủ làm duyên nên bốc cháy mạnh mẽ. Giải thích: Ái thấm nhuần nói Thủ mà thành duyên của Thức, làm cho ngọn lửa Thức cháy bùng tăng mạnh. Tức Ái như dầu, Thủ như tim đèn, Thức như ngọn lửa của đèn. Thể của đèn là thức thứ tám, sự bốc cháy tăng mạnh là bảy chuyển thức.

Hai là giải thích “Tướng tham đắm Vị của chỗ trụ”.

Luận viết: “Trong ấy, Tướng tham đắm Vị của chỗ trụ, tức là cảnh giới điên đảo của sự tham đắm vị, kệ kia cho là như Ảo huyễn, nên “Thấy” như thế”.

Giải thích: Tức nói về chữ “Khí” nơi kệ sáu Cảnh là chỗ trụ, tâm ái là vị tham đắm. Không thật cho thật là điên đảo. Cảnh như Ảo huyễn là sáu cảnh khiến người cho là Chân.

Ba là giải thích: “Tướng thuận theo lỗi lầm”.

Luận viết: “Trong đó, Tướng thuận theo lỗi lầm, tức là thuận theo Vô thường v.v... nên kệ đã dùng giọt sương để thí dụ, là nhằm hiển bày chỉ rõ Thể của Tướng là không có, do thuận theo Vô thường v.v...”.

Giải thích: Tức nói về chữ Thân nơi kệ. Thân ấy là Vô thường, mau chóng tan diệt như giọt sương mọc buổi sớm.

Luận viết: Kệ dùng Bọt nước để thí dụ là nhằm hiển bày chỉ rõ việc thuận theo Thể của Khổ. Do Thọ như bọt nước (Bào).

Giải thích: Tức nói về “Sự thọ dụng” nơi kệ. Thọ như bọt nước, chẳng trụ lâu, nên ba Thọ tức là ba khổ. Không an lạc mà khiến tham vướng gọi là thuận theo Khổ.

Bốn là giải thích “Tướng thuận theo nẻo xuất ly”. Luận viết: “Tướng thuận theo nẻo xuất ly, là tùy theo nơi người pháp đều Vô ngã nghĩa là xuất ly”.

Giải thích: Xuất ly là xuất ly nơi sự duyên dựa.

Thế nào là thuận theo? Luận viết: “Thuận theo tức là các Hành của quá khứ v.v... dùng mộng v.v... là để thí dụ nhằm hiển bày chỉ rõ.

Giải thích: Chính là dùng mộng v.v... là để quán về ba đời, tức thuận theo nẻo xuất ly.

Mộng, Luận viết: Là chỗ niệm xứ của Hành nơi quá khứ kia. Như mộng tỉnh rồi, nhớ nghĩ về lúc mộng đều không có thật. Mộng đối chiếu với khi thức tức là Quá khứ.

Luận viết: “Hiện tại là thời gian qua nhanh nên như điện chớp, có thể nhận biết”.

Luận viết: “Vị lai là chủng tử thô ác kia, giống như hư không, dẫn xuất Tâm, nên như mây”.

Giải thích: Dựa nơi hư không hiện ra mây, như chủng tử sinh Hiện hành. Hữu lậu là thô ác.

Luận tóm kết: “Như thế là nhận biết về Hành chuyển sinh của ba đời tức thông đạt về Vô ngã. Đây là hiển bày chỉ rõ về Tướng tùy thuận nẻo xuất ly.

Trên là dựa nơi Luận giải thích Kinh, nên có chín dụ. Nếu dựa theo “Tần Kinh” (Kinh Kim Cương do Pháp sư La Thập dịch) thì chỉ có sáu dụ. Tức thêm một dụ là Ảnh (Bớt bốn dụ: Tinh, Ế, đấng, Vân) Kệ viết:

*“Hết thầy pháp Hữu vi
Như Mộng, Ảo, Bọt, Bóng
Như sương móc như điện
Phải nên quán như thế!”*

Về thứ lớp chẳng đồng với Luận. Mà đem dụ về Ảnh cộng với trước tức thành mười dụ. Người xưa cũng đem dụ về Ảnh thâm gồm bốn dụ kia là Sao, Mắt nhắm, Đèn và Mây, tức sáu dụ thâm tóm chín dụ.

Sở từ câu “Như dựa theo Kinh đại Phẩm” tiếp xuống: Là nói về cách giải thích thứ sáu, tức nơi Kinh đại Phẩm với chỗ biện minh của Trí Luận về mười dụ. Mười dụ là:

Một: Như huyễn ảo. Hai: Như dợn nắng. Ba: Như trăng trong nước.

Bốn: Như Hư không. Năm: Như tiếng Vang. Sáu: Như thành Càn Thát bà (Thành ảo). Bảy: Như Mộng. Tám: Như Ảnh. Chín: Như hình tượng trong gương. Mười: Như sự hóa hiện.

Trí Luận quyển thứ bảy đã biện minh rộng về các Tướng nêu trên. Pháp sư La Thập có truyện, đại sư Tăng Duệ có Tán, trong phần sau giải thích văn đều đã bao hàm đủ, chỉ thiếu “Thành Càn-thát-bà”, đại thể là giống với huyễn ảo. Nhằm thành mười Nhãn nên chẳng nêu ra. Lại thêm ba pháp, nên hợp với ba Ảnh, đều để thành mười là trọn đủ.

Sớ câu: “Kinh Lăng Già cũng có chung”: Tức là nói về cách giải thích thứ bảy của Kinh Lăng Già, phần nhiều giống nơi Kinh Đại Phẩm.

Sớ từ câu: “Nay phần văn xuôi của Kinh” tiếp xuống: Là phần hai, Sớ giải đã kết hợp để thông tỏ (Phần một là nêu ra bảy cách giải thích).

Nói: “Chỗ dụ của kệ cũng có giới hạn”: Tức thêm dụ về “Tiếng vang” ở sau, nên nói: “Hết thấy mọi thứ mọi loại Âm thanh nơi thế gian chẳng phải trong, cũng chẳng phải ngoài, thấu rõ đều như là tiếng vang”.

